Chương 21

Kinh chuyển Pháp luân

hay

Bài thuyết pháp đầu tiên của Đức Phật Thích-ca.



Đức Phật đang dạy 5 vị đệ tử đầu tiên của Ngài

Dịch và chú thích

Lời dịch giả: bài dịch tiếng Việt được căn cứ chính yếu vào bài dịch tiếng Anh của Đại Đức Mahathera Narada trong quyển *The Buddha and his Teachings*, 1964. NVT

Kinh chuyển Pháp luân là bài thuyết Pháp đầu tiên của Đức Phật Thích-ca sau khi Ngài đã đắc đạo. Ngài đã thuyết giảng bài Kinh này cho 5 người bạn đồng tu khổ hạnh với Ngài trước kia là Kondanna (người Trung Hoa phiên âm là Kiều Trần Như), Bhaddiya, Vappa, Mahanama, Asaji tại vườn Lộc Uyển (Deer Park). Bài thuyết pháp này được ghi lại trong Bộ Kinh Tương Ưng (Samyutta Nikaya) quyển V (Pali edition, p.420).

Tựa Kinh theo tiếng Pali là **Dhamma-Cakka-Pavattana Sutta,** tiếng Sanskrit là **Dharma-Cakra-Pravartana Sutra.** Người Tàu dịch là *Kinh Chuyển Pháp Luân*.

Dhamma có nghĩa là (Phật) Pháp, lời dạy của Đức Phật.

Cakka có nghĩa là bánh xe, cái dĩa tròn.

Pavattana có nghĩa là chuyển động lăng tròn.

Sutta là quyển Kinh.

Trong tiếng Hán Việt, *Pháp Luân* (法　輪): *luân* có nghĩa là bánh xe, Pháp Luân có nghĩa là bánh xe (Phật) Pháp (Anh. Dharma Wheel).

Trong tiếng Anh, tựa bài Kinh có rất nhiều lời dịch khác nhau:

-The Setting in Motion of the Wheel of the Dharma Sutra.
-Discourse on Turning the Wheel of Truth.
-Discourse on Turning the Wheel of the Dharma.

Đã có rất nhiều bản dịch "*Kinh chuyển Pháp luân*" ra tiếng Hoa, Việt, Anh, Pháp … đăng trên Internet.

I.-Bản dịch bài Kinh Chuyển Pháp luân:

Để giúp độc giả nhận ra các đoạn mạch của *Kinh chuyển Pháp Luân*, chúng tôi phân chia bài Kinh này ra nhiều đoạn với những tiểu tựa.

A.-Nhập đề:

Tôi (=Ngài Ananda) nghe như vầy:

Vào một thời nọ, Đức Phật Thích ca ở tại Vườn Lộc Uyển, xứ Isipatana (hiện nay là Sarnath), gần thành Benares.

B.-Thân bài

1.-Con đường ở giữa:

Đức Phật gọi 5 thầy Tỳ Kheo đang ngụ ở nơi ấy, đã từng là bạn đồng tu khổ hạnh với mình trước đây, dạy rằng:

"Này các thầy Tỳ Kheo! Có hai cực đoan (Sa. Antu, Anh. Extreme) mà bậc xuất gia phải tránh:

-Thứ nhất là chìm đắm trong dục lạc (sensual pleasures). Đó là điều thấp hèn, phàm tục và vô ích.

-Thứ hai là theo lối tu khắc khổ (harsh austerity). Đó là điều gây khổ sở và vô ích.

Các thầy hãy từ bỏ hai cực đoan ấy. **Như Lai (**Tathagata, Đức Phật thường dùng danh từ này để tự xưng mình) đã thấu hiểu rằng C***on đường ở giữa*** (Pa. Majjhima patipada, Anh. Middle way, Việt-Hán. Trung đạo)
hai cực đoan ấy, tức là không thiên về một bên nào quá đáng mà Như Lai đã áp dụng để phát triển nhản quan, sự hiểu biết phân minh, tiến đến sự an tịnh (Pa. vupasamaya, Anh. peace) đưa đến trí tuệ (Pa. abhinnaya, Anh. knowlegde), giác ngộ (Pa. sambodhaya, Anh. enlightenment/awaking) và niết-bàn (Pa. nibbana, Sa. Nirvana) hay con đường dứt khổ.

2.-Bát Chánh Đạo:

Này các thầy Tỳ Kheo! Phép tu hành theo *con đường ở giữa* mà Như Lai đã ngộ là sự tu hành để phát triển nhãn quan, tri kiến, đưa đến sự an tịnh, trí tuệ cao siêu, giác ngộ và Niết-bàn là gì? – Đó là **Bát Chánh Đạo**[(*1)] **(**Hán-Việt. 八正道, Sa. Ārya 'ṣṭāṅga mārgaḥ, Pi. Ariyo aṭṭhaṅgiko maggo, Anh. Eightfold path).

Bát Chánh Đạo là con đường có 8 chi nhánh (eightfold) là: **1.-Chánh Kiến** (正見, Pa. Samma ditthi, Anh. Right view), 2.-**Chánh Tư duy** (正思唯, Pa. Samma sathkappa, Anh. Right intention), 3.-**Chánh Ngữ** (正語 , Pa. Samma vaca, Anh. Right speech), 4.-**Chánh Nghiệp** (. 正業 , Pa. Samma kammanta, Anh. Right action), 5.-**Chánh Mạng** (正命, Pa. Samma ajiva, Anh. Right Livehood), 6.-**Chánh Tinh Tấn** (正精進, Pa. Samma Vayama, Anh. Right Effort), 7.-**Chánh Niệm** (正念, Pa. Samma sati, Anh. Right Mindfulness), 8.-**Chánh Định** (正定, Pa. Samma Samadhi, Anh. Right Concentration).

3.**-Tứ Diệu Đế (**四妙諦, Sa. C*atvāry āryasatyāni*, Pi. *cattāri ariya-saccāni*, Anh. Four Noble Truths), là bốn chân lí cao cả/ cao thượng; cũng gọi là **Tứ thánh đế** (四聖諦,Four Holy Truths). Đây là trọng tâm của bài thuyết Pháp này.

3.-1. Khổ Đế :

Này các thầy Tỳ Kheo! Bây giờ Như Lai giảng về *Chân Lý Cao thượng về sự Khổ (*Pa. D*uḥkhā ryasatya,* Anh.the Noble truth of Suffering): *Sanh* là sự hợp lại của ***Ngũ Uẩn***[*2] (Sa. *Pañcaskandha,* Pa. Pancu-padanakkhandha, Anh. Five Aggregates)**,** là khổ; *Lão/già* là khổ, *bịnh là khổ*, tử/chết là sự tan rã **Ngũ Uẩn**, là khổ. Buồn rầu, lo lắng, thất bại, rối loạn tâm thần là khổ. Sống chung với người mình không ưa thích là khổ, lìa xa người thân yêu là khổ, ước muốn mà không được là khổ. Nói cách khác, có thân *Ngũ Uẩn* (five psycho-physical condition groups) là khổ, vì ngũ uẩn là vô thường, biến đổi không ngừng.

3.-2. Tập Đế:

Này các thầy Tỳ Kheo! Đây là *Chân Lý Cao thượng về nguyên nhân của khổ đau* (Pa.Dukkha samudaya ariya sacca, Anh. Noble Truth of the cause): Chính lòng ham muốn được tái sanh, chìm đắm trong dục lạc, tức là, lòng ham muốn chìm đắm trong khoái cảm dục vọng, ham muốn mọi vật được trường tồn vĩnh cữu, lòng ham muốn trong tâm ý rằng sau cái chết thì không còn gì nữa; đó là nguyên nhân của khổ đau.

3.- 3. Diệt Đế:

Này các thầy Tỳ Kheo! Đây là *Chân Lý Cao Thượng về sự diệt khổ đau* (Pa. Dukkha-nirodha-ariya Sacca, Anh. Noble Truth of Ending Suffering). Đó là sự chấm dứt lòng ham muốn, không luyến tiếc.

3.-4. Đạo Đế:

Này các thầy Tỳ Kheo! Đây là Chân Lý Cao thượng về con đường dẫn đến sự diệt khổ (Pa. Dukkha nirodhaga-mini-patipada –ariya-sacca, Anh. Noble

Truth of the way leading to the cessation of suffering). Đó chính là **Bát Chánh Đạo.**

4.-Tam Chuyển Pháp Luân[*3], Thập Nhị Hành[*4]: để giúp 5 vị Tỳ Kheo hiểu thấu rõ **Tứ Điệu Đế**, Đức Phật thực hiện "*tam chuyển Pháp luân"* cho mỗi *Đế*. Có 4 Đế, nên có 12 hành, người Trung Hoa gọi là *Thập nhị hành* (3 chuyển x 4 Đế = 12 hành).

4.-1. Đây là 3 chuyển Pháp luân của Khổ Đế:

a. Thị Chuyển:

Này các thầy Tỳ Kheo! **Khổ đế [***sự thật về nỗi khổ đau*: phiền não, sanh tử luân hồi…] là pháp mà trước đây Như Lai chưa từng được nghe, được hiểu.

b. Khuyến chuyển:

Này các thầy Tỳ Kheo! Các thầy nên nhận biết **Khổ Đế** này.

c.Chứng chuyển:

Này các thầy Tỳ Kheo! Như Lai đã chứng nghiệm được **Khổ Đế** này. Nên nhãn quan, sự biết, sự hiểu, trí tuệ biết rõ, chân hiểu biết và ánh sáng (seeing, understanding, wisdom, true knowledge and light) đã phát sanh đến Như Lai. [*ánh sáng* ở đây có thể hiểu là "*diệt trừ được vô minh*"]

4.-2.Đây là 3 chuyển Pháp luân của Tập Đế:

a.Thị chuyển:

Này các Tỳ Kheo! **Khổ Tập Đế** [*sự thật về các nguyên nhân của đau khổ, phiền não, và sanh tử luân hồi]* là pháp mà trước đây Như Lai chưa từng được nghe, được hiểu.

b.Khuyến chuyển:

Này các thầy Tỳ Kheo! Các thầy nên nhận biết các nguyên nhân của sự khổ: **Khổ Tập Đế**.

c.Chứng chuyển:

Này các thầy Tỳ Kheo! Như Lai đã chứng nghiệm được **Khổ Tập Đế** này. Nên nhãn quan, sự biết, sự hiểu, trí tuệ biết rõ, chân hiểu biết và ánh sáng đã phát sanh đến Như Lai.

4.-**3.Đây là 3 chuyển Pháp luân của Diệt Đế:**

a.Thị chuyển:

Này các thầy Tỳ Kheo! **Khổ Diệt Đế** [*sự thật về việc phải diệt trừ sự khổ đau* để đạt được an lạc, thanh tịnh, hạnh phúc và giác ngộ] là pháp mà trước đây Như Lai chưa từng được nghe, được hiểu.

b.Khuyến chuyển:

Này các thầy Tỳ Kheo! Các thầy nên nhận biết cần phải dứt bỏ, tiêu diệt sự khổ đau: **Khổ Diệt Đế**.

c.Chứng chuyển:

Này các thầy Tỳ Kheo! Như Lai đã trải nghiệm quyết định tiêu diệt sự khổ đau: **Khổ Diệt Đế**. Nên nhãn quan, sự biết, sự hiểu, trí tuệ biết rõ, chân hiểu biết và áng sáng đã phát sanh đến Như Lai.

4.- **4.Đây là 3 chuyển Pháp luân của Diệt Khổ Đạo Đế (*Bát Chánh Đạo*):**

a.Thị chuyển:

Này các thầy Tỳ Kheo! **Diệt Khổ Đạo Đế (=Bát Chánh Đạo)**

[8 con đường có 8 chi nhánh dẫn đến việc diệt trừ khổ đau] là pháp mà trước đây Như Lai chưa từng được nghe, được hiểu.

b.Khuyến chuyển:

Này các thầy Tỳ Kheo! Các thầy nên nhận biết **Diệt Khổ Đạo Đế** để giúp dẫn đến việc diệt trừ khổ đau.

c.Chứng chuyển:

Này các thầy Tỳ Kheo! Như Lai đã thực nghiệm "**Bát Chánh Đạo**". Khi Diệt Khổ Đạo Đế được thực hiện (to be practised) và được phát triển (to be developed) thì nhãn quan, sự hiểu, sự biết, trí tuệ biết rõ, chân hiểu biết và ánh sáng đã phát sanh đến Như Lai.

Sau khi kết thúc "**tam chuyển Pháp luân**" (Pa. tiparivă, Anh. three stages/ phases) - **thập nhị hành** (Pa. dvadasakara, Anh. twelve aspects), Đức Phật Thích-ca giảng tiếp:

Này các thầy Tỳ Kheo! Nếu Như Lai chưa hoàn toàn thấu triệt **Tứ Diệu Đế** (Four Noble Truths) về ba phương diện (three stages/ phases) và đủ mười hai phương thức (twelve aspects) một cách hoàn toàn sáng tỏ thì Như Lai đã không xác nhận điều này trước thế gian này gồm có cả chư Thiên (Gods), Ma vương (Maras), Phạm thiên (Brahmas), Đạo sĩ (Recluses), Giáo sĩ Bà-la-môn (Brahmans), Con người (Humans) và loài ngoài hạng con người nữa (Some-One) rằng Như Lai đã đạt được **Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác** (Pa. Anuttara Samma Sambodhi, Anh. The highest Awakening).

C.-Kết luận:

Này các thầy Tỳ Kheo! đến khi Như Lai *thấu triệt Bốn Diệu Đế/ Bốn Thánh Đế* (insight and understanding of the Four Noble Truths/Four Holy Truths), về *3 phương diện* (three stages) và đủ *mười hai phương thức* (twelve aspects) một cách hoàn toàn sáng tỏ thì đến lúc đó Như Lai mới xác nhận trước thế gian này gồm có cả chư Thiên (Gods), Ma vương (Maras), Phạm thiên (Brahmas), Đạo sĩ

(Recluses), Giáo sĩ Bà-la-môn (Brahmans), Con người (Humans) và loài ngoài hạng con người nữa (Some-One) rằng Như Lai đã đạt được **Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.** Và rằng lúc ấy tri kiến và nhãn kiến phát sanh thì **tâm** của Như Lai được giải thoát và không còn lay chuyển. **Đây là kiếp sống cuối cùng của Như Lai, Như Lai sẽ không bao giờ tái sanh nữa.**

Đức Phật giảng xong, 5 vị Tỳ Kheo thấy vui mừng trong lòng. Ngài Kondanna khi nghe giảng **Tứ Diệu Đế** liền chứng được pháp nhãn thanh tịnh (Pa. Dhamma Cakkhu, Anh. Pure eye of Dhamma); và Ngài chứng ngộ rằng "**cái gì đã có sanh tất phải có diệt**" (Everything is of a nature to arise is likewise of a nature to cease).

Lúc Đức Phật chuyển Pháp Luân, chư Thiên trên hành tinh này hoan hô: "*Pháp Luân này quả thật tuyệt diệu! Chẳng có Pháp Luân nào cao siêu hơn Pháp Luân này. Không có chư Thiên, Ma vương, Phạm Thiên, Đạo sĩ, Giáo sĩ Bà-la-môn nào trên thế gian này có thể giảng được như Đức Phật đã giảng tại vườn Lộc Uyển trong làng Isipatana, gần thành Benares."*

Nghe lời vừa tán dương trên, chư Thiên ở các cung trời *Tứ-Đại-Thiên-Vương* (Catum-Maha-Rajika, Anh. Four Kings) v…v… cũng đồng thanh hoan hô: "*tại vườn Lộc Uyển, trong làng Isipatana, gần thành Benares,* ***bánh xe chuyển Pháp tối thượng đã được Đức Phật thuyết giảng****."* và họ quay lưng rời bỏ chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Đạo sĩ, Giáo sĩ Bà-la-môn và bất cứ người nào trên thế gian này. Họ sẽ hướng về Đức Phật.

Trong khoảnh khắc ấy tiếng hoan hô vang dội làm rung chuyển mạnh mẽ, chỉ trong nháy mắt đã làm cả 10.000 thế giới trong cõi Phạm Thiên đều rung chuyển theo.

Một hào quang vô cùng rực rỡ hơn tất cả hào quang của chư Thiên đã chiếu sáng trên thế gian.

Đức Phật liền nói: *"Kondanna quả đã giác ngộ! Kondanna quả đã giác ngộ!* Từ đó Kondanna được gọi tên là *Annata Kondanna* , có nghĩa là "*Kondanna là người đã giác ngộ*".

Samyutta Nikaya (**Tương Ưng Bộ Kinh Pali**), quyển V, trang 420.

*_*_*

Trong *Luật tạng (Vinaya Pitaka)* có nơi nói rằng Ngài Kondanna thỉnh cầu Đức Phật cho Ngài làm đệ tử của Phật, Đức Phật đã chấp thuận. Kondanna là vị sư xuất gia đầu tiên, Tăng đoàn (Sangha, Community of Monks & Nuns) đã được thành lập từ đó, tiếp theo là 4 vị Tỳ Kheo kia cũng gia nhập tăng đoàn và họ lần lượt chứng quả Arahant.

*_*_*

Chú thích:

(*1) **Bát Chánh Đạo**: con đường có 8 chi nhánh (Arya ashtangika marga, Anh. Noble eightfold Path/ Noble path of eight limbs) như sau:

1.*Chánh kiến*: Người có chánh kiến là người hiểu rõ 4 Diệu Đế. Người có chánh kiến là người thấu hiểu sự vật theo: - thật tướng *vô thường,* thật thể *vô ngã,* thật tánh *duyên khởi* tức là mọi vật đều liên kết, đều tuỳ thuộc lẫn nhau mà hiện hữu.

Người có chánh kiến là người thấu hiểu mọi hành động đều có hiệu quả: chết không phải là hết, những hành động và đức tin đều có cái hậu quả sau khi chết.

2.*Chánh tư duy*: có nghĩa là mọi suy nghĩ/ tư duy căn cứ vào 4 Diệu Đế, căn cứ vào các Pháp: vô thường, khổ, vô ngã .

3.*Chánh ngữ*: có nghĩa là lời nói phải hòa nhã, hợp đạo lý, chân chính/ không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói những lời phù phiếm.

4.*Chánh nghiệp:* có nghĩa là hành động từ bỏ các điều ác, từ bỏ việc làm tổn thương đến người khác, hành động giúp người khác được lợi, được vui, và

cũng giúp chính mình được lợi và an vui.

5.*Chánh mạng:* có nghĩa là sinh sống bằng những nghề không xúc phạm đến thân mạng và tài sản của người khác.

6.*Chánh tinh tấn*: có nghĩa là siêng năng làm điều lành, cố gắng tránh đều ác.

7.*Chánh niệm*: có nghĩa là luôn luôn nhớ, nghĩ đến điều lành, và nghĩ tới điều ác nên tránh.

8.*Chánh định*: có nghĩa là luôn luôn giữ tâm không bị vọng động, giữa tâm thanh tịnh, bình thản, và chú tâm vào điều tốt.

(*2) Ngũ uẩn:

Ngũ uẩn (五蘊, Sa. *pañca-skandha*, Pa. *pañca-khandha*, Anh. five aggregates¯), còn gọi là **Ngũ ấm** (五陰), *pañca* là 5 *; skandha* là nhóm, n*gười* Trung Hoa dịch là *uẩn* có nghĩa là tích tụ, là (các điều, các vật) được chất chứa cùng một nhóm. *Ngũ uẩn* là năm nhóm yếu tố kết hợp lại tạo thành con người: - **Phần vật chất** có hình dáng gọi là 1.**Sắc uẩn;- Phần tâm lý** không có hình dáng, gồm 4 nhóm, gọi là: 2.**Thọ uẩn**, 3.**Tưởng uẩn**, 4.**Hành uẩn** và 5. **Thức uẩn**. (*Xem thêm bài Ngũ Uẩn của NVT*).

(*3) **Tam chuyển** (Pa. tipariva, Anh. three phases/ stages) Pháp luân: Đức Phật đã giảng "*mỗi Diệu Đế*" bằng cách đi qua 3 giai đoạn nhằm giúp cho 5 vị Tỳ Kheo hiểu rõ và thực hiện hoàn toàn *mỗi Diệu Đế*:

1.*Thị chuyển*: đây là *giai đoạn công nhận* (*recognition*), hiểu biết về "*mỗi Diệu Đế*" mà (*hiện nay*) Đức Phật đã thấy rõ, (*trước kia, trước khi giác ngộ, Đức Phật chưa thấy rõ)*. Ngài giảng rõ cho 5 vị Tỳ Kheo ý thức về sự có mặt của Khổ đau, hành trình tìm hiểu nguyên nhân, quyết định diệt trừ khổ đau, và con đường giúp diệt trừ khổ đau.

2 .*Khuyến chuyển*: đây là *giai đoạn khuyến khích* (*encouragement*) tìm hiểu về "*mỗi Diệu Đế*", Đức Phật đã khuyến khích 5 vị Tỳ Kheo nên tìm hiểu rõ về sự khổ đau, về nguyên nhân, quyết định diệt trừ khổ đau, và phương cách để diệt trừ khổ đau.

3. *Chứng chuyển*: đây là *giai đoạn thực hiện* (*realization*), Đức Phật nêu lên bằng chứng Ngài đã trải nghiệm và thực hiện "*mỗi Diệu Đế*", do đó 5 vị Tỳ Kheo cần phải thực hiện "*mỗi Diệu Đế*" này.

Tóm lại, sau khi đã nhận thức từng (hay 4) Diệu Đế thì phải hiểu rõ từng (hay 4) Diệu Đế, rồi hoàn thành việc thực hiện từng (hay 4) Diệu Đế. Và như thế các thầy Tỳ kheo mới giải thoát khỏi khổ đau.

(*4) **Thập nhị hành** (Pa. dvadasakara, Anh. twelve aspects): Đức Phật thực hiện "*tam chuyển Pháp luân"* cho mỗi Diệu *Đế* (mỗi chân lý vi diệu). *Có 4 Diệu Đế* (4 chân lý vi diệu), nên có 12 hành, người Trung Hoa gọi là *Thập nhị hành* (3 chuyển x 4 Diệu Đế = 12 hành).

II.-Bài học từ "Kinh Chuyển Pháp Luân" của Đức Phật Thích-ca:

Bài thuyết Pháp đầu tiên của *Đức Phật lịch sử* đã dạy cho chúng ta những điều sau đây:

1.-Con đường ở giữa:

Đức Phật khẳng định với 5 vị Tỳ Kheo đồng tu khổ hạnh với Ngài trước kia rằng: "Đức Phật đồng ý với quý Tỳ Kheo này việc tham luyến dục lạc là điều không có ích lợi, nhưng Đức Phật thêm vào đó là việc tham luyến lối tu khắc khổ cũng không có lợi" và rồi Đức Phật đưa ra giải pháp: " *Hãy tránh cả hai cực đoan, và chọn con đường ở giữa hai cực đoan này để được đưa đến giác ngộ."* Khi là Thái tử, Ngài đã trải nghiệm cuộc sống vương giả, đã hưởng thụ dục lạc, yến tiệc linh đình, cung phi mỹ nữ múa hát ngày đêm, có đủ kẻ hầu người hạ, tương lai còn được vua cha trao cho ngai vàng…, nhưng Ngài đã "*ngộ*" rằng việc

tham luyến dục lạc là điều phàm tục, không có lợi ích, không thể kéo dài mãi mãi. Sau đó, trong bước đầu của cuộc đời xuất gia, Ngài đã trải nghiệm cuộc sống của tu sĩ theo cách tu khắc khổ, nhưng thể xác của Ngài suy yếu lần lần nên tinh thần cũng không được minh mẫn, rồi Ngài *"ngộ"* rằng lối tu khắc khổ cũng không có lợi ích. Do đó Ngài mới chọn "*con đường ở giữa*" hai thái cực này.

2.-Tứ Diệu Đế:

Trọng tâm của *Kinh chuyển Pháp luân* là lời giảng dạy của Đức Phật về *Tứ Diệu Đế* (Sa. *catvāri āryasatyāni*; Pa. *cattāri ariyasaccāni,* Four Noble Truths), các Đại sư Trung Hoa còn dịch là *Tứ Thánh Đế* (Four Holy Truths):

1.-*Khổ Đế (*dukkha, Sa. Duhkha, the truth of suffering) là chân lý về sự khổ đau: cuộc đời này đầy đau khổ. Các Đại sư Trung Hoa dịch dukkha là khổ (suffering), dukkha còn có nghĩa rộng như là sự không hài lòng (dissatisfaction), sự căng thẳng (stress)…

2.-*Khổ Tập Đế* (samudaya dukkha, the cause of suffering): nguyên nhân gây khổ đau là vọng tưởng và bám vào sự vật vô thường.

3.-*Khổ Diệt Đế* (nirodha dukkha, the cessation of suffering): cần phải diệt trừ những vọng tưởng và bỏ sự bám víu vào sự vật vô thường.

4.-*Diệt khổ Đạo Đế* (magga dukkha, the path to the cessation of suffering = the Noble Eightfold Path) là "*con đường có 8 chi nhánh*" = *Bát Chánh Đạo*, đây là phương cách để diệt trừ sự bám víu vào các vật vô thường, và do đó sự tái sanh và khổ đau sẽ dứt.

3.-Bát Chánh Đạo

(đã trình bày ngắn gọn ở phần chú thích. Có thể đọc thêm bài viết *Tứ Diệu Đế* và *Bát Chánh Đạo* của NVT)

4.- Ngũ uẩn:

5 nhóm yếu tố kết hợp lại tạo thành con người: 1.**Sắc uẩn,** 2.**Thọ uẩn**,

3.**Tưởng uẩn**, 4.**Hành uẩn** và 5. **Thức uẩn**. Các "*Uẩn*" thì liên kết với nhau, tùy thuộc lẫn nhau mà hiện hữu, khi tan rả thì con người cũng không còn sống. (đã trình bày ngắn gọn ở phần chú thích. Có thể xem thêm bài viết *Ngũ Uẩn* của NVT).

Đức Phật nói "**ngũ uẩn**" luôn biến đổi không ngừng, ngũ uẩn là vô thường, như vậy ngũ uẫn là khổ.

5.-Vô thường:

Ngài Kondanna đã ngộ lời giảng dạy của Đức Phật Thích ca về triết lý vô thường (impermanence) khi Kondanna phát biểu: "*Cái gì đã có sanh tất phải có diệt*".

Toronto, 03 December 2016
Nguyễn Vĩnh Thượng

Tài liệu tham khảo chính yếu:

-Cao Hữu Đính, *Văn Học Sử Phật Giáo*, Huế: tác giả xuất bản, 1970. Đây là bài cours mà GS CHĐ đã soạn giảng cho Sinh viên Đại Học Vạn Hạnh Saigon và Phật Học Viện Nha Trang.

-Hirakawa Akira, *A History of Indian Buddhism*: *from Sakyamuni to Early Mahayana*, translated and edited by Paul Groner, Hawaii: University of Hawaii Press, 1974.

-Kogen Mizuno, *Buddhist Sutras: Origin, Development, Transmission*. Translated by Morio Takanashi & others, adapted by Rebecca M. Davis. Tokyo: Kosei Publishing Co. First English edition, 1982. Sixth printing, 1995.

-Narada, Mahathera, *The Buddha and his Teachings*, Kandy (Sri Lanka): Buddhist Publication Society, First enlarged edition: 1964, Second revised and enlarged edition: 1973.

-Thích Thanh Kiểm, *Lược sử Phật giáo Ấn độ*, Saigon: Lê Thanh Thư Xã, 1963.

-Thích Tâm Thiện, *Tìm hiểu ngôn ngữ Kinh điển Phật giáo*, Sài-gòn: NXB TP.HCM, 2000.